

Review 1 lớp 11 Language

Bản quyền thuộc về VnDoc nghiêm cấm mọi hành vi sao chép vì mục đích thương mại

Vocabulary

1. Form compound nouns with the words in the box. Then complete the sentences, using the correct ones. (Hãy tạo ra các danh từ ghép bằng những từ cho trong khung. Sau đó hoàn thành câu với những danh từ ghép thích hợp.)

Vocabulary

1 Form compound nouns with the words in the box. Then complete the sentences, using the correct ones.

care	child	friend	girl	grand
house	parents	point	view	work

1. She spent all morning doing _____.
2. There are many different _____ options available to mothers returning to work.
3. Parents should try to see things from a teenager's _____.
4. I have lived with my _____ since I was born.
5. He can't come because he's taking his _____ on a date.



Gợi ý đáp án

- | | | |
|-----------------|---------------|--------------|
| 1. housework | 2. childcare | 3. viewpoint |
| 4. grandparents | 5. girlfriend | |

2. Complete the sentences with correct words from the box. (Hoàn thành câu bằng những từ thích hợp cho trong khung.)

2 Complete the sentences with correct words from the box.

independent	reconciled	argument
self-reliant	relationship	

1. She has a close _____ with her parents.
2. He broke the glass vase during a(n) _____ with his cousin.
3. We were finally _____ after he apologised.
4. My little cousin is becoming more _____ so my aunt has more time for herself.
5. Teaching secondary school students to be independent and _____ is important for their personal development.



Gợi ý đáp án

- | | | |
|-----------------|-----------------|---------------|
| 1. relationship | 2. an argument | 3. reconciled |
| 4. independent | 5. self-reliant | |

3. Listen and link the final consonants and initial vowels in the sentences. Then read them aloud. (Nghe và nối các phụ âm cuối với các nguyên âm đầu trong câu. Sau đó đọc to chúng.)

Bài nghe

1. Kate is a teacher of English in an upper secondary school.
2. Look at these pictures and answer my questions in English.
3. Tom used to live in his parents' house, but he's moved into a new flat with some friends.
4. Can I have a cup of apple tea?
5. Don't forget to turn off the lights when you leave after the party.

4. Complete these sentences with **should / shouldn't / ought to / ought not to / mustn't / have to / has to**. ((Hoàn thành câu với should / shouldn't / ought to / ought not to / must / mustn't / have to / has to))

Gợi ý đáp án

1. should/ ought to
2. shouldn't/ ought not to
3. must/ have to
4. mustn't
5. must/ has to

5. Rewrite the following sentences to emphasise the underlined parts, using **It is / was... that...** (Viết lại những câu dưới đây để nhấn mạnh cho những phần gạch dưới, sử dụng cấu trúc It is /was ...that...)

Gợi ý đáp án

1. It was in Greece that the first Olympic Games were held.
2. It was Nam who / that won the first prize in the English speaking contest.
3. It's a chocolate cake that I am making for my best friend's birthday party.
4. It was in 1759 that Scotland's most famous poet Robert Burns was born.
5. It's working on a computer that gives me headaches.

6. Write new sentences with a similar meaning. Use the **to-infinitive after adjective**. (Viết lại thành những câu mới với nghĩa tương tự. Dùng động từ nguyên mẫu có to sau tính từ)

Gợi ý đáp án

1. Our school is quite easy to find.
2. The paragraph is difficult to translate.
3. I am delighted to work for the school library.
4. She was very surprised to see him at the party.
5. I was sorry to hear that your grandma was ill.

Mời các bạn tham khảo thêm nhiều tài liệu Tiếng Anh lớp 11 hay và miễn phí tại:
<https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop11>